TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **181**/2020/QĐST-HNGĐ	*Hàm Yên, ngày 19 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 181/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Chị **Nguyễn Thúy H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà A, tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh **Hà Đức H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thúy H và anh Hà Đức H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao cháu Hà Nguyên Bích N, sinh ngày 16/5/2018 cho chị Nguyễn Thúy H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Anh Hà Đức H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thúy H với mức 5.000.000đ (Năm triệu đồng) trên một tháng, kể từ tháng 9 năm 2020 trở đi cho đến khi cháu Hà Nguyên Bích N đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng.

Anh Hà Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thúy H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hà Đức H chậm nộp thì

phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung, về vay nợ chung:* Các đương sự cùng xác định không có tài sản chung, không vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thúy H phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002157 ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Nguyễn Thúy H số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Hà Đức H phải chịu *150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận việc thi hành án. Người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án phải chấp hành việc thi hành án, nếu không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND phường T,
Thành phố T (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Ánh